

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 01 - 2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Hồng Hà và ông Lê Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà T – sinh năm 1978. *Có mặt;*

Nơi cư trú: Thôn Y, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Ông H – sinh năm 1967. *Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;*

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà T, bị đơn ông H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông H, bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Phú Yên năm 2002.

Bà T khai sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó, ông H ghen tuông vô cớ dẫn đến hai bên thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên bà T xin được ly hôn ông H.

Ông H khai vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, vì nóng giận, ông H có đánh bà T. Nay, nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ để cùng nuôi con.

- Về con chung: Hai bên thống nhất có 02 con chung tên B – sinh ngày 25/02/2002 và N – sinh ngày 26/7/2003. Trong đó, cháu B đã đủ 18 tuổi nên

không yêu cầu Tòa giải quyết. Đối với cháu N, bà T xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông H cho rằng không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà T, ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T vào ngày 01/7/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà T khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông H thường xuyên đe dọa và nhiều lần đánh bà T. Xét thấy: Ông H thừa nhận có đánh bà T và mâu thuẫn của vợ chồng ông H, bà T đã được chính quyền địa phương hòa giải, khuyên can nhưng không được. Do đó, đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng ông H, bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất có 02 con chung tên là B – sinh ngày 25/02/2002 và N – sinh ngày 26/7/2003. Trong đó, cháu B đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

Đối với cháu N: Cháu N có nguyện vọng xin được ở với bà T. Do đó, để cháu N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T làm nghề nông, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà T được ly hôn ông H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là N – sinh ngày 26/7/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà T phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002215 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND H. Tây Hòa;
 - Cục THADS H. Tây Hòa;
 - UBND xã N, huyện T
- (GDKKH số 43/2002, ngày 01/7/2002);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ